TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36A**/2025/DS-ST
Ngày. 13 – 8 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồng.

2. Ông Hoàng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP L2 (L3)**.

Địa chỉ: Tòa nhà L, số B đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Minh K**, sinh năm 1986; Ông **Trịnh Trần Tuấn K1**, sinh năm 1994. Cùng địa chỉ: Số A T, phường P, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 07-01-2025; vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Trầm Thị Cẩm L**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm V, phường M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Trầm Thị Cẩm L vay vốn tại Ngân hàng TMCP L2 – Phòng giao dịch thành phố S. Địa chỉ: Số A T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Khoản cấp tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10-11-2020:

- Hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng.

- Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày 10-11-2020 đến hết ngày 09-11-2023.

- Phương thức cho vay: Hạn mức thẻ tín dụng.

- Ngày trả nợ cuối cùng: 09-11-2023.

- Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng cá nhân.

- Phương thức thanh toán nợ: Nợ gốc sẽ được trả vào ngày 05 hàng tháng, tối thiểu 5% dư nợ thực tế.

- Lãi suất cho vay: 28%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Đây là khoản vay không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trầm Thị Cẩm L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP L2. Phía Ngân hàng đã đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn và lập biên bản làm việc nhưng bà L vẫn tránh mặt và không thanh toán nợ. Cụ thể, bà L đã chuyển nợ nhóm 2 từ ngày 07-02-2022, với tổng số tiền tạm tính đến ngày 07-01-2025 là 44.494.040 đồng. Trong đó, gốc quá hạn 15.000.000 đồng, lãi quá hạn 29.494.040 đồng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trầm Thị Cẩm L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho L3 với tổng số tiền tạm tính đến 07-01-2025 là 44.494.040 đồng. Trong đó: Gốc quá hạn: 15.000.000 đồng, L1 quá hạn: 29.494.040 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày xét xử theo quy định tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Trầm Thị Cẩm L phải chịu lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi tất toán thẻ tín dụng.

- Ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Trầm Thị Cẩm L không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký thì Ngân hàng TMCP L2 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thuộc sở hữu của bà Trầm Thị Cẩm L để thu hồi nợ.

Ý kiến của bị đơn bà Trầm Thị Cẩm L:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú ghi trong hợp đồng tại khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường M, thành phố Cần Thơ), yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ) có thẩm quyền giải quyết và xác định quan hệ

pháp luật giải quyết về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[3] Xét thấy, vào ngày 10-11-2020, bà Trầm Thị Cẩm L ký kết Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng TMCP B (Ngân hàng TMCP L2), hạn mức đề nghị và giải ngân số tiền gốc là 15.000.000 đồng. Mục đích vay, thời hạn và thỏa thuận lãi suất nêu trong đơn yêu cầu khởi kiện đúng như hợp đồng đã ký kết và biểu phí dịch vụ thẻ mà nguyên đơn cung cấp. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, hình thức hợp đồng và các nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao kết có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thể hiện qua bảng kê tiền lãi và sao kê tài khoản của bà Trầm Thị Cẩm L. Do đó, Ngân hàng TMCP L2 tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp theo thỏa thuận đã ký kết và quy định tại Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Tính đến thời điểm xét xử (13-8-2025), dư nợ gốc mà bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn là 15.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 34.391.917 đồng. Tổng cộng số tiền còn phải thanh toán là 49.391.917 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235 Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L2 (L3).

Buộc bị đơn bà Trầm Thị Cẩm L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L2 số tiền 49.391.917 đồng. Trong đó, nợ gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 34.391.917 đồng.

Kể từ ngày 14-8-2025 cho đến khi bà Trầm Thị Cẩm L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP L2, thì hàng tháng bà Trầm Thị Cẩm L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân), ngày 10-11-2020.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trầm Thị Cẩm L phải chịu 2.469.596 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP L2 số tiền tạm ứng án phí 1.112.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009837 ngày 02-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố C).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm